

Số: 161/TB-ATTP

Hưng Yên, ngày 05 tháng 4 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả thử nghiệm mẫu**

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 26/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường; Thông tư 12/2017/TT-BKHHCN ngày 28/9/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012;

Căn cứ Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Biên bản lấy mẫu số 03/BBLM-ĐGS ngày 11/3/2024 của Đoàn giám sát theo Quyết định số 75/QĐ-ATTP ngày 01/3/2024 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tại Trường mầm non Liên Nghĩa, xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 10275/PKN-VKNQG, 10276/PKN-VKNQG, 10277/PKN-VKNQG ngày 26/3/2024 của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia (có phiếu kiểm nghiệm kèm theo);

Theo đề nghị của Trưởng đoàn giám sát.

**CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM THÔNG BÁO**

**1. Kết quả thử nghiệm mẫu**

STT	Tên mẫu, Ký hiệu	Tên cơ sở và địa chỉ NSX/NK ghi tên nhãn	Thuộc lô hàng (Khối lượng, ngày sản xuất, số lô, nếu có)	Chỉ tiêu chất lượng
01	Bí xanh, Q75-12			1. Hàm lượng 6-BAP. 2. Hàm lượng Forchlorfenuron. 3. Dư lượng thuốc trừ sâu Acetamiprid.

2	Thịt lợn, Q75-13			<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Salmonella,</li> <li>2. Chất tạo nạc Sabutamol.</li> <li>3. Clenbuterol.</li> <li>4. Ractopamin.</li> <li>5. Phản ứng định tính hydro sulfua (H<sub>2</sub>S).</li> </ol>
3	Tôm lột, Q75-14			<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hàm lượng Green Malachite.</li> <li>2. Hàm lượng Chloramphenicol.</li> <li>3. Hàm lượng Chloroform</li> <li>4. Hàm lượng Cypermethrin</li> <li>5. Hàm lượng Deltamethrin</li> <li>6. Hàm lượng Enrofloxacin</li> </ol>

Kết luận về chất lượng mẫu: Các chỉ tiêu thử nghiệm có kết quả phù hợp với quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

## 2. Yêu cầu đối với cơ sở được kiểm tra

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm yêu cầu cơ sở nghiêm túc chấp hành quy định pháp luật về an toàn thực phẩm và thường xuyên duy trì các biện pháp kiểm soát, giám sát chặt chẽ nguồn gốc, chất lượng thực phẩm nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình chế biến thực phẩm.

Mọi chi tiết xin liên hệ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hưng Yên, địa chỉ: Phố Sơn Nam, phường Lam Sơn, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. ĐT: 02213.552.466; Email: [ccatvstphy@gmail.com](mailto:ccatvstphy@gmail.com)./.

### Nơi nhận:

- Trường MN Liên Nghĩa;
- Phòng GD & ĐT huyện Văn Giang;
- Lưu: VT.



**Vũ Huy Kha**





VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA  
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 10275/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
TEST REPORT

- Tên mẫu: Bí xanh, Q75-12, KH4309
- Mã số mẫu: 032468/KTNN.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon, 600 g x 01 túi/phần mẫu. Mẫu còn nguyên niêm phong có dấu đỏ của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên và chữ ký của các bên liên quan. Số lượng: 01 phần mẫu. NSX: Không có - HSD: Không có.
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày lấy mẫu: Không có
- Ngày nhận mẫu: 18/03/2024
- Thời gian thử nghiệm: 18/03/2024 - 26/03/2024
- Nơi gửi mẫu: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN  
Địa chỉ: Phố Sơn Nam, Phường Lam Sơn, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Tài liệu kèm theo: Biên bản giao nhận mẫu ngày 18/03/2024 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.1	Hàm lượng 6-BAP	mg/kg	NIFC.04.M.112	KPH (LOD: 0,01)
10.2*(a)	Hàm lượng Acetamidrid	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	0,034
10.3	Hàm lượng Forchlorfenuron	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

(a) - Chỉ tiêu được chỉ định bởi cơ quan quản lý.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

KIỂM NGHIỆM VIÊN

PHỤ TRÁCH CƠ SỞ  
KIỂM NGHIỆM

KT.VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



ThS. Kiều Thị Lan Phương

ThS. Lưu Thị Huyền Trang

TS. Trần Cao Sơn





VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA  
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thuận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vknva.nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 10276/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
TEST REPORT

- Tên mẫu: Thịt lợn, Q75-13, KH4310
- Mã số mẫu: 032468/KTNN.2
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon, 400 g x 01 túi/phần mẫu. Nhiệt độ mẫu tại thời điểm nhận là 6 °C. Mẫu còn nguyên niêm phong có dấu đỏ của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên và chữ ký của các bên liên quan. Số lượng: 01 phần mẫu.  
NSX: Không có - HSD: Không có.
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày lấy mẫu: Không có
- Ngày nhận mẫu: 18/03/2024
- Thời gian thử nghiệm: 18/03/2024 - 26/03/2024
- Nơi gửi mẫu: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN  
Địa chỉ: Phố Sơn Nam, Phường Lam Sơn, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Tài liệu kèm theo: Biên bản giao nhận mẫu ngày 18/03/2024 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.1*(a)	Salmonella spp.	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH (eLOD <sub>50</sub> : 1)
10.2*(a)	Hàm lượng Clenbuterol	µg/kg	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,03)
10.3*(a)	Hàm lượng Ractopamin	µg/kg	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,03)
10.4*(a)	Hàm lượng Salbutamol	µg/kg	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,03)
10.5	Định tính Sulfit (H <sub>2</sub> S)	-	TCVN 3699:1990	Âm tính

Ghi chú: eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%  
KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)  
(a) - Chỉ tiêu được chỉ định bởi cơ quan quản lý

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

KIỂM NGHIỆM VIÊN

PHỤ TRÁCH CƠ SỞ

KT.VIỆN TRƯỞNG

KIỂM NGHIỆM

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

CN. Ninh Thị Hạnh

ThS. Nguyễn Thành Trung



ThS. Lê Việt Ngân

TS. Vũ Thị Trang

TS. Trần Cao Sơn

ThS. Kiều Thị Lan Phương

ThS. Lưu Thị Huyền Trang

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm. This report is only valid for the above sample  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4. (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.





VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA  
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 10277/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
TEST REPORT

- Tên mẫu: Tôm lớp, Q75-14, KH4311
- Mã số mẫu: 032468/KTNN.3
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon, 300 g x 01 túi/phần mẫu. Nhiệt độ mẫu tại thời điểm nhận là 6 °C. Mẫu còn nguyên niêm phong có dấu đỏ của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên và chữ ký của các bên liên quan. Số lượng: 01 phần mẫu.  
NSX: Không có - HSD: Không có.
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày lấy mẫu: Không có
- Ngày nhận mẫu: 18/03/2024
- Thời gian thử nghiệm: 18/03/2024 - 26/03/2024
- Nơi gửi mẫu: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN  
Địa chỉ: Phố Sơn Nam, Phường Lam Sơn, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Tài liệu kèm theo: Biên bản giao nhận mẫu ngày 18/03/2024 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.1(a)	Hàm lượng Green Malachite	µg/kg	NIFC.04.M.008 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1)
10.2*(a)	Hàm lượng Chloramphenicol	µg/kg	NIFC.04.M.002 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,03)
10.3	Hàm lượng Chloroform	µg/kg	NIFC.04.M.077 (GC-MS)	KPH (LOD: 30)
10.4	Hàm lượng Cypermethrin	mg/kg	NIFC.04.M.135 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01)
10.5	Hàm lượng Deltamethrin	mg/kg	NIFC.04.M.135 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01)
10.6*(a)	Hàm lượng Enrofloxacin	µg/kg	NIFC.04.M.006 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 2,0)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

(a) - Chỉ tiêu được chỉ định bởi cơ quan quản lý.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

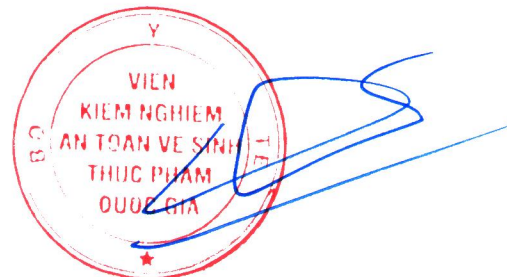
KIỂM NGHIỆM VIÊN

PHỤ TRÁCH CƠ SỞ  
KIỂM NGHIỆM

KT.VIÊN TRƯỞNG  
PHÓ VIÊN TRƯỞNG

*ThS. Kiều Thị Lan Phương*

*ThS. Lưu Thị Huyền Trang*



ThS. Kiều Thị Lan Phương

ThS. Lưu Thị Huyền Trang

TS. Trần Cao Sơn

